Thực trạng hoạt động của các quỹ đầu tư tại Việt Nam

NGUYỄN NGHIÊM THÁI MINH

Tổng quan về hoạt động của một số quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ tại Việt Nam thời gian qua cho thấy rất rõ một điểm chung: tất cả đều đã và đang gặt hái thành công. Những quỹ đã "trụ" lại sau những biến cố bất lợi của làn sóng đầu tư thứ nhất như MEF, VEIL đã chứng minh được tiềm năng phát triển tại Việt Nam bằng việc gia tăng giá trị tài sản ròng, tỷ suất sinh lợi hấp dẫn và việc liên tiếp lập quỹ mới. Chính điều này là một tác động cộng hưởng cho các nhà đầu tư khác còn đang thăm dò và lưỡng lự trước quyết định đầu tư vào Việt Nam.

Một điều dễ dàng nhận ra là: sau những thất bại của các quỹ đầu tư tiên phong, các quỹ sau đó thể hiện sự dè dặt hơn khi quy mô quỹ là nhỏ so với các quỹ trước đó (như MEF ban đầu chỉ 16 triệu USD, các khoản đầu tư cũng chỉ vài trăm ngàn USD) nhưng cục diện đã thay đổi nhanh chóng sau đó. Số lượng quỹ đầu tư tăng nhanh, các công ty quản lý quỹ hoạt động lâu năm tại Việt Nam thì không ngừng lập quỹ mới. Giá trị của các khoản đầu tư cũng lớn lên nhiều.

TÌNH HÌNH CUNG ỨNG VỐN CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ

Nếu vào đầu thập niên 90, làn sóng quỹ đầu tư mang theo tiềm lực cung ứng vốn khá dồi dào nhưng đã thoái lui nhanh chóng thì giai đoạn 2, với thành công của Mekong Capital đã dẫn lối cho nhiều nhà đầu tư khác tham gia vào thị trường vốn. Số vốn cung ứng cũng ngày càng tăng và lớn lên về quy mô. Vào giữa năm 2007, lúc tổng vốn hóa thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam khoảng 20 tỷ USD (HOSE khoảng 15,5 tỷ, HASTC khoảng 4,5 tỷ), thì giá trị vốn hóa tính riêng cho đầu tư nước ngoài là gần 5 tỷ USD - chiếm khoảng 25% tổng thị trường; trong đó giới tài chính đã đưa ra con số ước đoán nguồn vốn đầu tư gián tiếp thông qua các quỹ đầu tư nước ngoài vào TTCK Việt Nam có thể lên đến 2 tỷ USD. Tổng kết năm 2007, số quỹ đầu tư nước ngoài vào thị trường Việt Nam là khoảng trên 60, với số vốn khoảng 6 tỷ USD. Trong số đó, chỉ riêng ba công ty quản lý quỹ (QLQ) là Dragon Capital, Vina Capital và Indochina Capital đã có số vốn gần 4 tỷ USD. Những thông tin vừa nêu cho thấy nguồn vốn đầu tư tài chính được cung ứng từ các quỹ đầu tư nước ngoài đã tăng nhanh đáng kể.

Minh họa cho khả năng cung ứng vốn là những thương vụ đầu tư danh mục năm 2007. Nổi bật là việc Công ty Bảo hiểm Tập đoàn Tài chính HSBC mua 10% cổ phần Bảo Việt với số tiền lên đến 225 triệu USD. Nhiều quỹ đầu tư đang theo đuổi các khoản đầu tư có quy mô khá cao. Indochina Capital chẳng hạn, đã đưa ra tiêu chí từ 5-15 triệu đô la Mỹ mỗi khoản. Như vậy, khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế từ các quỹ đầu tư đã tăng với tốc độ ngày càng cao. Nếu năm 2005, số vốn đầu tư danh mục mong muốn đạt 300 ngàn USD thì năm 2007, chỉ một thương vụ giữa HSBC với Bảo Việt đã chiếm 73% mức này.

Hoạt động đầu tư của các quỹ đầu tư nước ngoài hiện nay có thể khái quát là việc sở hữu một lượng lớn cổ phần tại các doanh nghiệp trong nước. Cho dù mục tiêu của các quỹ này nhắm vào đối tượng

doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) cổ phần hóa và khu vực kinh tế tư nhân thì trong thực tế khu vực doanh nghiệp tư nhân gần đây đã thu hút nguồn này khá mạnh. Theo báo cáo từ các Sở Kế hoạch và Đầu tư trong cả nước, 6 tháng đầu năm 2007, toàn quốc đã có 27.902 doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh, với số vốn đăng ký là 227.520.083 triệu đồng, đạt 123,5% về số lượng và 344,2% về vốn so với cùng kỳ năm 2006. Các loại hình công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân dần "nhường chỗ" cho loại hình công ty cổ phần. Đi đầu cả nước vẫn là 2 trung tâm kinh tế: Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đây cũng chính là cơ hội để các doanh nghiệp thu hút thêm dòng vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư.

Điểm qua danh sách các công ty nhận đầu tư của một số quỹ điển hình, dễ dàng nhận ra phần lớn trong số đó là khối doanh nghiệp ngoài nhà nước, chủ yếu là khối tư nhân. Đây là lực lượng được xem là năng động và hầu hết các nhà đầu tư đều đánh giá cao vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế. Những cái tên như Lạc Việt, PeaceSoft, Tân Đại Hưng ... là những ví dụ điển hình và còn nhiều công ty khác với điểm chung: thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Nếu những giao dịch ban đầu của các quỹ là vài trăm ngàn USD thì nay đã nhanh chóng nâng lên hàng triệu USD. Như vậy, tiềm lực vốn của các quỹ phải tăng và chiến lược triển khai vốn cũng khác đi so với trước theo hướng tăng quy mô cho mỗi cuộc đầu tư.

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ

Thuận lợi

Nền kinh tế Việt Nam phát triển với tốc độ nhanh và ổn định về chính trị là điều kiện cơ bản nhất trong việc thu hút đầu tư. Và cũng chính vì lý do này mà Việt Nam trở thành sự chú ý của giới đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây. Tốc độ tăng trưởng tốt cho phép nhà đầu tư kỳ vọng suất sinh lời cao tương ứng và đó là những gì nhà đầu tư tìm kiếm tại các nước đang phát triển.

Thành quả về tăng trưởng kinh tế có được nhờ một phần tối quan trọng là cơ chế chính sách. Những thay đổi theo hướng tích cực của hệ thống văn bản quy định có liên quan đã tác động tích cực và tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện mục tiêu của mình. Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán có hiệu lực đã đặt nền tảng và là tiền đề thiết yếu cho sự phát triển của doanh nghiệp, của các nhà đầu tư và cả thị trường nói chung.

Chủ trương cổ phần hóa DNNN là một chủ trương tác động tích cực đến hoạt động đầu tư và TTCK. Đây là cơ hội để các quỹ triển khai vốn. Tính đến cuối năm 2007, đã có hơn 3.400 DNNN được cổ phần hoá. Thêm vào đó, sự phát triển của thành phần kinh tế tư nhân cũng tiếp thêm vào cơ hội cho các quỹ đầu tư trong việc tìm kiếm và lựa chọn đối tượng đầu tư.

Biểu đồ số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 các năm (2000-2006)

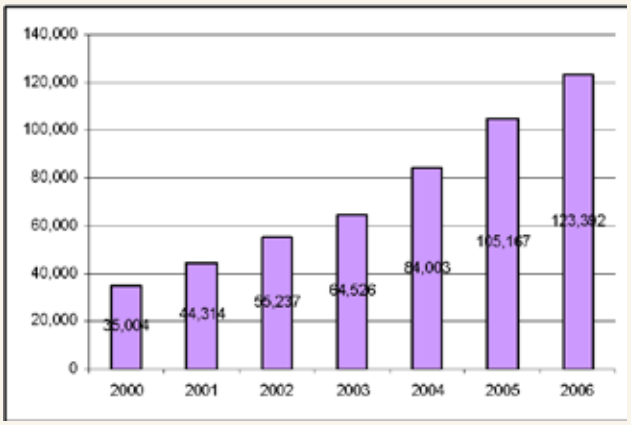

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Số liệu thống kê trên cho thấy, số doanh nghiệp thành lập mới và đi vào hoạt động tăng đều qua các năm. Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2000 mới đạt 35.004 doanh nghiệp, đến 2003 đã là 64.526 tăng 84% và đến 2006 là 123.392 doanh nghiệp, tăng 91,2% so năm 2003 và tăng hơn 3,5 lần so với năm 2000. Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2000 – 2006 là 29%/năm. Trong số đó, khối doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng hơn 80% - một vị trí đáng kể trong nền kinh tế. Sự gia tăng nhanh số lượng doanh nghiệp, đặc biệt là khối doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân trong thời gian qua cùng với chính sách khuyến khích của Nhà nước cho phát triển thành phần kinh tế này thì cơ hội sẽ ngày càng lớn hơn cho các quỹ đầu tư trong việc tìm kiếm, thẩm định và lựa chọn đối tượng nhận đầu tư.

Khó khăn

Môi trường và sự nhận dạng các cơ hội là điểm mấu chốt để có câu trả lời thỏa đáng cho sự tăng trưởng trong hoạt động của các quỹ đầu tư. Những nội dung này có liên quan đến khả năng tiếp cận và tiếp nhận vốn của doanh nghiệp trong nước và chủ trương hay mục đích đầu tư của các quỹ đầu tư – có thể là nhà đầu tư nước ngoài.

Từ khi Luật Chứng khoán được ban hành, việc lập các Quỹ đầu tư cũng trở nên khó khăn hơn. Theo luật thì công ty quản lý quỹ thực hiện việc quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán có thể ở dạng quỹ công chúng hoặc quỹ thành viên, quỹ mở hoặc quỹ đóng quy định khá chi tiết, cụ thể làm căn cứ thực hiện. Tuy nhiên, các điều kiện thành lập quỹ có phần khắt khe hơn. Cụ thể là: đối với quỹ công chúng yêu cầu phải có tối thiểu 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp; với quỹ thành viên yêu cầu phải có tối thiểu 30 nhà đầu tư và phải là những pháp nhân. Đây là những "cái khó" cho việc thành lập quỹ đầu tư tạo Việt Nam. Bên cạnh đó, cơ sở pháp lý cho tất cả các loại hình quỹ cũng chưa đồng bộ: các quỹ đầu tư thuộc lĩnh vực khác - đầu tư mạo hiểm chẳng hạn - lại chưa

có quy định pháp lý nào. Do vậy, việc thành lập và đi vào hoạt động cũng gặp một số trở ngại.

Quỹ đầu tư là một định chế còn rất trẻ tại Việt Nam. Còn nhớ, năm 2003, chúng ta mãi vẫn chưa có quỹ đầu tư nội địa nào. Sự ra đời của quỹ đầu tư tất nhiên phải xuất phát từ nhu cầu nội tại của thị trường, và rất cần có thời gian "chuẩn bị" cho sự cần thiết. Chính lẽ đó, khi mà TTCK mới được hơn 7 năm tuổi thì quỹ đầu tư, đặc biệt tính riêng cho quỹ trong nước thì việc ra đời có chậm 3, 4 năm cũng xem như điều bình thường. Tuy nhiên, cái khó sẽ hiển hiện đó là ngân hàng giám sát và hệ thống công ty quản lý quỹ cũng còn rất trẻ và tất nhiên chưa nhiều kinh nghiệm trong việc vận hành hiệu quả định chế này.

"Đồng hành" với vấn đề trên là khó khăn về nguồn nhân lực. Khi TTCK phát triển, số lượng các công ty chứng khoán, quản lý quỹ được mở ra liên tục, cộng với sự mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tạo ra một lượng cầu lớn về nhân lực, đặc biệt là trong ngành tài chính. IDG Venture Vietnam, các quỹ thuộc Dragon Capital... phải tuyển dụng, sử dụng nhân lực là người nước ngoài và Việt Kiều. Tuy nhiên nguồn này cũng không nhiều để có thể đáp ứng đủ.

Một khó khăn nữa xuất phát từ quy mô TTCK. Dù có tăng trưởng về quy mô và khá nhiều biện pháp tác động tích cực nhưng quy mô thị trường vẫn còn xem là nhỏ.

Việc tăng nhanh lượng vốn và các quỹ tham gia vào thị trường nâng khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế nói chung nhưng đồng thời cũng tạo ra áp lực triển khai vốn cho các quỹ đầu tư. Khi cơ hội đầu tư không tăng tương xứng, sự cạnh tranh giữa các quỹ là điều tất yếu. Trong trường hợp này, họ có thể chấp nhận việc định giá cao hơn hoặc thấp hơn tiêu chuẩn đặt ra ban đầu một cách chưa hợp lý. Tính minh bạch còn chưa cao ở các doanh nghiệp cũng là một rào cản trong việc đánh giá cơ hội đầu tư.

Mặc dù còn gặp một số khó khăn, trở ngại nhưng cái nhìn của các quỹ đầu tư đối với Việt Nam vẫn đầy lạc quan. Mekong Capital sẽ tiếp tục thành lập quỹ: MEF III dự kiến ra mắt vào cuối năm 2008; quỹ đầu tư mạo hiểm thuộc ngân hàng đầu tư và phát triển Canada (BDC) thăm dò thị trường Việt Nam và tìm kiếm đối tác vào những ngày cuối của năm 2007 ....

Với những triển vọng trong phát triển kinh tế dựa vào nguồn tài trợ từ các quỹ đầu tư thì rất cần có những can thiệp từ nhiều đối tượng có liên quan để giúp phát triển hơn nữa hoạt động của các quỹ đầu tư hiện tại và tăng cường số lượng quỹ trong tương lai. Các giải pháp đề xuất sau đây thể hiện dựa trên cơ sở tận dụng và phát huy tối đa các cơ hội cũng như những điểm lợi, còn những thách thức, khó khăn gặp phải trong hoạt động của quỹ đầu tư trong thời gian qua là bài toán cần lời giải.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

Một cách tổng quan, trên thị trường tài chính (TTTC) Việt Nam hiện nay, cơ chế vận hành của các quỹ đầu tư có thể khái quát qua sơ đồ sau:

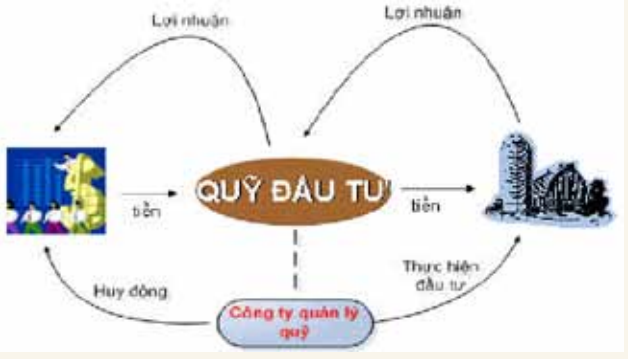

rằng quỹ đầu tư hoạt động hiệu quả sẽ chịu tác động của luồng "tiền vào" và "tiền ra". Làm thế nào để thu hút vốn tốt hơn, giải ngân vốn tốt hơn và làm thế nào để sự phát triển này ổn định, hài hòa và không ảnh hưởng tiêu cực đến tính an toàn của nền kinh tế - khi có yếu tố nước ngoài hiện diện? Câu hỏi này sẽ tập trung vào hai vấn đề: hiệu quả trong cơ chế vận hành quỹ và trong kỹ thuật vận hành quỹ đầu tư.

Hiệu quả trong cơ chế vận hành quỹ đầu tư - cải thiện môi trường hoạt động

Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các quỹ đầu tư

Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã đặt thêm một cơ sở pháp lý quan trọng cho việc vận hành các quỹ đầu tư chứng khoán. Điều đó cho thấy chúng ta đang cố gắng tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định nhằm kiểm soát và điều phối tốt hoạt động của các định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế. Tuy nhiên, sự đa dạng của loại hình quỹ đầu tư, loại quỹ đầu tư phân theo chức năng thì còn nhiều hơn. Do đó, vấn đề đặt ra là tiếp tục phải đẩy mạnh công tác ban hành các văn bản quy định về tổ chức hoạt động và kiểm soát các quỹ đầu tư.

Cần sớm hoàn thành và ban hành quy chế hoạt động quỹ đầu tư nói chung – chi phối hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm và quỹ đầu tư thuộc lĩnh vực khác.

Khuyến khích thành lập các công ty liên doanh quản lý quỹ, lập văn phòng đại diện và cho phép lập chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam. Khuyến khích lập các quỹ đầu tư nước ngoài để huy động vốn đầu tư vào thị trường Việt Nam. Đa dạng hoá các loại hình quỹ đầu tư bởi hiện tại đa số là thuộc dạng quỹ thành viên, do thủ tục thành lập đơn giản hơn so với quỹ công chúng. Việc tăng cường quỹ công chúng sẽ giúp quỹ huy động vốn với phạm vi rộng hơn và nhà đầu tư cá nhân có cơ hội tham gia đầu tư một cách chuyên nghiệp.

Được biết, trong những tháng đầu năm 2008, dự

định cho phép thành lập công ty quản lý quỹ 100% vốn nước ngoài đã được hình thành và sẽ ban hành trong thời gian tới. Dự định này đã rút ngắn thời gian so với dự kiến theo lộ trình hội nhập WTO. Đây có thể nói đó là luồng gió mới cho hoạt động của công ty quản lý quỹ, khắc phục được một số rào cản đã từng xảy ra cho làn sóng đầu tư vào thập niên 90. Nội dung này phần nào thể hiện được một cách cụ thể chủ trương, chính sách thu hút thêm luồng vốn đầu tư gián tiếp từ bên ngoài vào. Đó cũng là giải pháp về lâu dài mà ta phải tính đến. Tương tự như vốn đầu tư trực tiếp, có chủ trương tác động cụ thể, luồng vốn vào sẽ gia tăng nhanh chóng khi nhà đầu tư nhận thấy được những khuyến khích, hỗ trợ họ khi tham gia đầu tư tại Việt Nam.

Thiết lập các chính sách bình đẳng về ưu đãi đầu tư giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, cụ thể là chính sách thuế, phí, lệ phí, các yếu tố chi phí đầu vào ... theo hướng giảm, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình quỹ đầu tư thành lập và hoạt động.

Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào TTCK: theo quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ thì tỷ lệ này đã có thay đổi theo hướng gia tăng so với trước. Đây cũng là một bước đi thích hợp cho việc mở rộng hơn nữa hoạt động của quỹ đầu tư. Tuy nhiên, tỷ lệ trên vẫn cần được thay đổi theo hướng mở rộng tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam trên nguyên tắc đảm bảo mặt bằng chung về tỷ lệ tham gia giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp; thu hẹp đối tượng ngành nghề Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn hoặc nắm giữ cổ phần chi phối, tối đa hoá tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề, lĩnh vực cho phép đầu tư 100% vốn nước ngoài, rà soát để giảm các lĩnh vực hạn chế đầu tư nước ngoài...

Luồng vốn đầu tư gián tiếp thông qua các quỹ đầu tư có nguồn gốc từ bên ngoài vào Việt Nam chiếm tỷ trọng áp đảo. Do vậy, yếu tố quản lý ngoại hối cũng tác động khá mạnh đến sự lưu chuyển, vận hành vốn. Tháng 3/2008, Việt Nam chứng kiến sự biến động phức tạp của giá vàng và tỷ giá đô-la Mỹ. Theo đó, đồng Việt Nam liên tục tăng giá và các quỹ đầu tư phải đối mặt với việc khan hiếm VND. Đây là kết quả của những sức ép lên hệ thống tỷ giá. Những biến động như vậy, rõ ràng không tốt cho hoạt động kinh doanh của quỹ - một cách đơn giản - thậm chí tác động mạnh đến cả hệ thống tài chính -tiền tệ. Tình hình trên đặt ra một vấn đề đó là cần điều chỉnh chế độ quản lý ngoại hối theo hướng linh hoạt hơn trong thực hiện chế độ tỉ giá và gia tăng hơn nữa dự trữ ngoại tệ quốc gia. .

Phát triển TTCK – kênh thoát vốn và tính thanh khoản của chứng khoán

Sự hiện diện của các quỹ đầu tư gắn liền với sự ra đời của TTCK và yêu cầu nội tại từ phía thị trường này. Do vậy, trong cơ chế vận hành của quỹ đầu tư không thể không kể đến vai trò của TTCK. Cho đến nay, với hơn 7 năm tuổi, TTCK Việt Nam vẫn còn rất nhỏ bé, rất non trẻ. Nhưng chúng ta đã cố gắng rất nhiều trong việc đưa thị trường vào vận hành, góp phần hoàn thiện TTTC và từng bước hoà nhập vào thị trường khu vốn khu vực. TTCK vận hành hiệu quả và có chất lượng đóng vai trò là kênh tạo ra lợi nhuận cho quỹ đầu tư nói chung.

Tuy nhiên một vấn đề nữa đặt ra là: sự non nớt của thị trường lại cộng thêm sự nhạy cảm, tính dễ tổn thương khi có sự hiện diện của dòng vốn gián tiếp tiếp nước ngoài sẽ càng làm cho thị trường mất thăng bằng, thiếu ổn định. Do đó, TTCK cần được phát triển theo hướng ngày càng gần với những yêu cầu, tiêu chuẩn và xu hướng hoạt động của thị trường vốn khu vực và quốc tế. Phát triển TTCK và phát triển quỹ đầu tư có mối quan hệ tương tác qua lại: về cơ bản TTCK phát triển làm nảy sinh nhu cầu quỹ đầu tư, quỹ đầu tư phát triển làm tăng tính thanh khoản cho TTCK. Cả hai đều rất cần và muốn tạo ra những hàng hóa chứng khoán có chất lượng.

Thông tin minh bạch

Minh bạch thông tin là điều đã được đề cập nhiều khi bàn về TTCK. Đó thực sự đã trở thành vấn đề. Nguyên nhân có nhiều nhưng theo quan điểm cá nhân thì có thể từ tập quán kinh doanh nhiều năm, đã trở thành "căn bệnh" khó chữa. Chúng ta đã và đang hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về kế toán tài chính và những ràng buộc trong minh bạch thông tin nhưng kết quả vẫn chưa thật tích cực. Do vẫn có sự khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài còn e dè khi đọc các báo cáo tài chính do các công ty kiểm toán trong nước thực hiện. Đây cũng là một rào cản thật sự trong việc thẩm định và tìm kiếm đối tác đầu tư của các quỹ.

Minh bạch thông tin cho phép nhà đầu tư đánh giá hợp lý những đối tác tiềm năng và có quyết định phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ; rút ngắn thời gian (trong một chừng mực nào đó) làm công tác thẩm tra mà thông thường nó chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng quỹ thời gian chuẩn bị cho một cuộc đầu tư thành công.

Các giải pháp chính trong việc minh bạch thông tin bao gồm:

- Tiến tới thành lập tổ chức định mức trách nhiệm tại Việt Nam. Định mức tín nhiệm được coi là một trong những yếu tố then chốt giúp lấp đầy những khoảng trống thông tin này và cho biết giá trị của một công ty, hoặc của một quốc gia là như thế nào trong con mắt của các tổ chức đầu tư quốc tế - những người nắm giữ luồng vốn lớn nhất. Hiện chúng ta chưa có tổ chức này nên những thông tin như xếp hạng doanh nghiệp, xếp hạng chứng khoán... không có để làm nguồn tham khảo đáng tin cậy cho nhà đầu tư. Việc hình thành tổ chức này có tác dụng tích cực cho toàn bộ hệ thống các định chế tài chính đang hoạt động trên TTTC Việt Nam, và cả hoạt động của TTCK.

- Hoàn thiện các ràng buộc pháp lý về công bố

thông tin, cơ chế xử phạt thích đáng, hợp lý.

Xây dựng và vận hành tốt các ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ

Trong cơ chế vận hành của quỹ đầu tư không thể thiếu các ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ. Sự non trẻ của các quỹ đầu tư trong hoạt động tại thị trường Việt Nam như phân tích phần trên cũng là một trở lực. Do tính chất mới nên hệ thống cơ chế quản lý giám sát cũng còn thiếu nhiều kinh nghiệm. Điều này thật mạo hiểm khi muốn đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và tính an toàn cho TTTC. Do vậy, cần đẩy mạnh công tác chuẩn bị và đào tạo nhân lực trong ngành tài chính - ngân hàng đáp ứng nhu cầu nhân lực cho ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ. Sự đồng bộ về nhân lực sẽ làm cân bằng lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động và mặt khác là tiền đề để hoạt động trôi chảy các quỹ đầu tư.

Khi hệ thống cơ chế giám sát phát triển, chúng ta có thể sớm có những cảnh báo về tín hiệu xấu của thị trường, của dòng vốn, từ đó có bện pháp can thiệp phù hợp. Không những vậy, cùng với việc phát triển hoạt động của cơ chế giám sát, chúng ta cũng cần xây dựng phương án ứng phó mang tính phòng ngừa thích hợp để có thể vận dụng khi có nguy cơ biến độ tiêu cực trên TTTC.

Hiệu quả về kỹ thuật vận hành

Tăng cường quảng bá hình ảnh và cung cấp thêm nhiều thông tin hơn về quỹ đầu tư, công ty quản lý quỹ nói riêng, Việt Nam nói chung cho những nhà đầu tư nước ngoài.

Hiện tại, số vốn đầu tư gián tiếp chiếm tỉ lệ còn rất khiêm tốn so với đầu tư trực tiếp. Điều này cũng phản ánh một thực tế: quy mô quỹ đầu tư thông qua việc huy động vốn là vẫn còn nhỏ. Theo như ước tính của ông Don Lam - Tổng giám đốc Vina Capital, với khoảng 100 tỷ USD của khoảng 100 định chế đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thế giới, thì chỉ cần họ chịu bỏ ra 1% trong số đó thôi, chúng ta đã thu về 1 tỷ USD. Một trong những vấn đề là hạn chế thông tin về Việt Nam. Trong khi đó, các hoạt động xúc tiến cho thu hút vốn FDI thì thực hiện khá tốt với kết quả khả quan.

Do vậy, cần tổ chức nhiều hơn các cuộc hội thảo giới thiệu về Việt Nam, về đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam để các nhà đầu tư nước ngoài có thêm nhiều thông tin hơn. Từ đó, họ quyết định đưa vốn vào Việt Nam. Điều này góp phần giải bài toán vốn đầu vào cho các quỹ đầu tư.

Nâng cao kiến thức quỹ đầu tư cho doanh nghiệp - biện pháp tác động vào giải ngân vốn

Như kết quả phân tích trên, một số doanh nghiệp trong nước, do hạn chế kiến thức về quỹ đầu tư mà các thương vụ lẽ ra là thành công nhưng lại thất bại. Vấn đề đặt ra là: doanh nghiệp rất cần tìm hiểu về định chế tài chính loại này, những đặc điểm chung cơ bản, nổi bật của một quỹ đầu tư thực thụ.

Tìm hiểu cặn kẽ về quỹ đầu tư, những ưu điểm cũng như những hạn chế để có thể vận dụng phù hợp sẽ giúp tăng nhanh hơn nữa những cơ hội gặp nhau giữa quỹ và doanh nghiệp. Trên tất cả là lợi ích mang lại từ hai phía. Sự thành công của quỹ sẽ là nam châm thu hút thêm nhiều hơn nữa nguồn vốn từ bên ngoài. Và cần khẳng định rằng: chính các quỹ là người chủ động trong việc phổ cập kiến thức này cho các doanh nghiệp thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị.

Bài toán nhân lực

Do tính chất mới mẻ tại thị trường Việt Nam nên các quỹ gặp nhiều trở ngại trong việc tìm người. Điều này càng làm cho thị trường lao động cao cấp càng thêm nóng và cuộc cạnh tranh - không riêng ở các quỹ đầu tư – tìm người và giữ chân họ càng thêm gay gắt. Như đã trình bày phần trên, một số quỹ tuyển dụng Việt kiều hoặc người nước ngoài nhưng rõ ràng nguồn này không thể nhiều, khó đáp ứng được. Nguyên nhân có thể không từ trình độ chuyên môn, mà là những am hiểu về Việt Nam, về văn hóa kinh doanh và nhiều yếu tố khác mà khi đến một nước sở tại, người "ngoài" phải trang bị kỹ. Chính điều này càng đặt vai trò đào tạo nhân lực trong nước ngày càng cao. Với tương lai là càng phát triển hơn các quỹ đầu tư nội địa một cách hợp lý thì giải pháp nhân sự cũng là bài toán mà ngay trong giai đoạn manh nha hình thành đã phải nghĩ đến: đội ngũ quản lý và nhân viên của quỹ phải đạt được trình độ chuyên môn chuẩn quốc tế, có kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam.

Kết luận

Hoạt động của các quỹ đầu tư sở dĩ khởi sắc bởi chính sách đã có nhiều yếu tố thuận lợi. Mặc dù vậy, các quỹ vẫn gặp một số khó khăn mà trong thời gian tới, để phát triển hơn nữa hoạt động của các quỹ đầu tư thì cần tập trung giải quyết. Các giải pháp phải đáp ứng 2 vấn đề: hiệu quả trong cơ chế vận hành và kỹ thuật vận hành. Đó là về kiến thức về quỹ đầu tư của các doanh nghiệp trong nước, giải quyết nhu cầu về nhân lực, các ngân hàng giám sát và mạng lưới công ty quản lý quỹ, tăng tính minh bạch thông tin, hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ chế chính sách thúc đẩy và hỗ trợ phát triển hoạt động các quỹ đầu tư ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoạt động quỹ đầu tư chứng khoán – PGS TS Lê Hoàng Nga

2. Bài phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh tại Hội nghị Kinh tế đối ngoại "Việt Nam: Ngôi sao đang lên ở châu Á"

3. Đầu tư gián tiếp nước ngoài – Tác động hai mặt và việc lựa chọn chính sách của VIỆT NAM - Nguyễn Minh Phong

4. Bản tóm tắt đề tài nghiên cứu "Tổ chức tài chính phi ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp" - Trần Anh Tuấn (chủ nhiệm)

5. Thông tin từ Internet.